

LÊ DUẨN - NGƯỜI CHIẾN SĨ CỘNG SẢN KIÊN TRUNG, NHÀ LÃNH ĐẠO SÁNG TẠO DƯỚI NGỌN CỜ ĐỘC LẬP TỰ DO CỦA HỒ CHÍ MINH

PGS, NGND LÊ MẬU HÃN*

1. Người chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất

Đồng chí Lê Duẩn quê ở làng Bích La Đông, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Là một thanh niên yêu nước, cấp tiến, Lê Duẩn đã sớm tích cực tham gia phong trào yêu nước, đấu tranh đòi thực dân Pháp phải ân xá Phan Bội Châu, để tang Phan Châu Trinh, gia nhập Đảng Tân Việt (1928), Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1929). Mùa Xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, hoạt động trên địa bàn Hà Nội, Lê Duẩn đã nhanh chóng trở thành người chiến sĩ cộng sản thuộc lớp đầu tiên của Đảng. Năm 1930, khi đang là thành viên Ban Tuyên huấn của Xứ ủy Bắc Kỳ, Lê Duẩn bị thực dân Pháp bắt tại Hải Phòng, bị kết án 20 năm tù cấm cố, giam tại Hỏa Lò, Sơn La và đến cuối năm 1933 bị đày ra Côn Đảo.

Năm 1936, cuộc đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ, dân sinh của nhân dân ta

phát triển mạnh và thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp, khiến chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương buộc phải trả tự do cho các chiến sĩ cách mạng Việt Nam, trong đó có Lê Duẩn. Từ Côn Đảo trở về đất liền, đồng chí ra sức hoạt động ở các tỉnh miền Trung, lần lượt được giữ trọng trách Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ (1937), Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng (1939), góp phần quan trọng đưa phong trào chống phản động thuộc địa, chống phát xít và nguy cơ chiến tranh, đòi quyền tự do, dân chủ và dân sinh phát triển thành cao trào trong cả nước.

Chiến tranh thế giới II bùng nổ, nước Pháp tham chiến và thi hành chính sách thời chiến ở Đông Dương. Mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Đông Dương với thực dân Pháp càng thêm sâu sắc. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương tháng 11-1939, dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cùng với Lê Duẩn, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu... đã quyết định: Chiến lược cách mệnh tư sản dân quyền phải thay đổi ít nhiều cho hợp

* Trường Đại học KHXH&NV - Đại học quốc gia Hà Nội

với tình thế mới. “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm”¹, vô luận da trắng hay da vàng để giành độc lập cho các dân tộc ở Đông Dương, phải chuẩn bị những điều kiện tiến lên bạo động cách mạng, lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp, lập Chính phủ cộng hòa dân chủ ở Đông Dương - một hình thức chính phủ chung cho tất cả các tầng lớp nhân dân trong xứ...

Giải thích về sự sáng tạo của chủ trương thay đổi chiến lược của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Lê Duẩn đã nêu rõ: Vì tình hình lúc bấy giờ đòi hỏi chúng ta cần đặt lại vấn đề dân tộc một cách đầy đủ hơn, phải nêu cao hơn nữa ngọn cờ dân tộc, phải đặt quyền lợi dân tộc thành quyền lợi tối cao... để tập hợp hơn nữa các tầng lớp, giai cấp, để trung lập hóa hơn nữa những bộ phận có thể trung lập được, lôi kéo những tầng lớp mà ta có thể lôi kéo được trong các tầng lớp trên, để chia mũi nhọn vào bọn đế quốc và tay sai.

Sự thay đổi chiến lược của Ban Chấp hành Trung ương Đảng là sự tiếp nối sáng tạo chủ trương chiến lược cách mạng của Hồ Chí Minh đề ra trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, đã chuyển cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam qua một giai đoạn mới.

Ngày 18-1-1940, đồng chí Lê Duẩn lại bị địch bắt tại Sài Gòn, kết án 10 năm tù và đày ra Côn Đảo. Chế độ nhà tù của thực dân Pháp vô cùng hà khắc và tàn bạo. Lê Duẩn và các chiến sĩ cộng sản cùng bị giam đã biến nhà tù thành trường học cách mạng, học lý luận chính trị, rèn luyện tư cách, đạo đức, phẩm chất của người chiến sĩ cộng sản, kiên trung, bất khuất, kiên trì và nhẫn nại, đấu tranh theo khẩu hiệu “Dân tộc trên hết”, “Tổ quốc trên hết”.

Trí tuệ và bản lĩnh kiên trung, bất khuất của Lê Duẩn tiếp tục được phát huy trên cương vị mới để lãnh đạo và tổ chức toàn dân Việt Nam chiến đấu với quyết tâm *“dem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập”*.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi. Các chiến sĩ cách mạng bị thực dân Pháp bắt giam ở Côn Đảo được trở về đất liền. Ngày 23-9-1945, nhân dân Nam Bộ phải đứng dậy chống cuộc xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp, bắt đầu ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Những cán bộ trung kiên, dày dặn kinh nghiệm về lãnh đạo và tổ chức đấu tranh, trong đó có Lê Duẩn, đã được tăng cường ngay cho các cơ quan Đảng và chính quyền ở Nam Bộ.

2. Nhà lãnh đạo sáng tạo, sức tỏa sáng của ngọn đèn “hai trăm nến”

Để khắc phục những khó khăn, yếu kém của phong trào kháng chiến ở Nam Bộ, trước hết là phải thống nhất tổ chức

Đảng bộ, đứng đầu là Xứ ủy. Ngày 15-10-1945, Xứ ủy lâm thời đã được thành lập do Tôn Đức Thắng làm Bí thư. Tiếp đến, ngày 25-10-1945, Hội nghị Xứ ủy lâm thời mở rộng đã họp ở Thiên Hộ (Mỹ Tho). Theo đề nghị của Tôn Đức Thắng, Hội nghị đã nhất trí cử đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ ủy lâm thời và Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Nam Bộ. Đầu năm 1946, một số cán bộ chủ chốt như Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn... được điều ra Hà Nội. Sau một thời gian làm việc, đồng chí Lê Duẩn được Chủ tịch Hồ Chí Minh phái về lại Nam Bộ chuẩn bị và tổ chức Đại hội đại biểu Xứ Đảng bộ (12-1947). Lê Duẩn đã trình bày với Đại hội những vấn đề kháng chiến của Nam Bộ có sức thuyết phục, mang tầm bao quát sâu rộng, có tính thực tiễn sinh động, trong đó tập trung vào việc phát huy sức mạnh của chiến tranh nhân dân về mặt quân sự, chính trị, thực hiện khối đại đoàn kết toàn dân (công nhân, nông dân, các tầng lớp nhân dân lao động, trí thức, nhân sĩ, tôn giáo...), xây dựng chính quyền nhân dân mạnh mẽ, xây dựng Đảng bộ vững mạnh, thống nhất ý chí và hành động; giải quyết vấn đề ruộng đất bằng cách khuyến khích các điền chủ hiến ruộng, tạm giao, tạm chia ruộng đất cho nông dân, đặc biệt nêu cao vai trò của Hồ Chí Minh – vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, linh hồn của cuộc kháng chiến.

Thành công của Đại hội đánh dấu sự

trưởng thành của Đảng bộ về cả tư tưởng, chính trị và tổ chức. Đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Ban chấp hành Đảng bộ xứ. Xứ ủy đã đề ra và chỉ đạo đúng đắn, sáng tạo đường lối, chủ trương, phương thức thực hiện phù hợp với thực tiễn nên đã đưa kháng chiến Nam Bộ vượt qua khó khăn, “từ chỗ rất yếu, có lúc tan rã, mà tiến lên chỗ mạnh mẽ, vững vàng, từ chỗ lộn xộn, phức tạp dần dần đi tới chỗ có hệ thống, có quy củ, mới chỉ là bắt đầu”. Sau khi đọc báo cáo, xem mấy số báo đặc biệt của các đồng chí Nam Bộ gửi ra và trao đổi với các đại biểu ra Hà Nội, trong thư gửi đồng chí Duẩn và Xứ ủy Nam Bộ, đồng chí Trường-Chinh đã viết: “Trung ương thiếu sót nhiều trong việc lãnh đạo toàn quốc. Về chỗ đó, Trung ương thành thật xin lỗi các đồng chí. May mà có đồng chí Lê Duẩn trong đó, sửa chữa được nhiều. Nhưng cũng đáng tiếc rằng đồng chí Duẩn, Xứ ủy Nam Bộ và Thường vụ Trung ương không được mật thiết liên lạc lắm, thành ra có nhiều vấn đề xảy ra, nếu trao đổi ý kiến, hỏi han nhau kịp thời thì đã tránh được nhiều khuyết điểm, sai lầm mà kinh nghiệm quý báu trong này cũng giúp cho việc lãnh đạo của Trung ương không nhỏ”².

Nhiều cán bộ ở Nam Bộ, ngay từ lần đầu tiếp xúc với đồng chí Lê Duẩn đã có một ấn tượng mạnh mẽ về một con người hoạt động đầy sức sống và có tính nguyên tắc. Đồng chí Võ Văn Kiệt có lần

kể lại, cuối năm 1949, tại Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ mở rộng, Lê Đức Thọ thay mặt phái đoàn Trung ương Đảng đánh giá tình hình, phân tích các mặt đã và chưa làm được và nêu ra không ít khuyết điểm của cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành ở miền Nam. Mặc dù nhận định của đại diện phái đoàn có những điểm không sát với chiến trường Nam Bộ, nhưng đứng trước Hội nghị, trước đại diện của Trung ương Đảng, Lê Duẩn đã nhận trách nhiệm của Xứ ủy, của bản thân Bí thư đối với các khuyết điểm đó với một thái độ nghiêm túc³.

Giương cao ngọn cờ tư tưởng độc lập tự do và chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, Xứ ủy Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn coi trọng tập hợp, sử dụng các nhân tài, trí thức Nam Bộ tham gia kháng chiến (trong đó có cả Đô trưởng đương nhiệm Sài Gòn-Chợ Lớn...). Nhiều trí thức được đảm nhận trọng trách về chính quyền, mặt trận, quân sự, an ninh, văn hoá, giáo dục...

Cảm nhận tài năng, đức độ, sự sáng tạo của Lê Duẩn, không chỉ đối với các vị lãnh đạo trong các Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, mà cả các nhà trí thức Nam Bộ như Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuận, Nguyễn Thành Vĩnh, Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Tấn Phát..., đều kính phục, quý mến gọi Lê Duẩn bằng biệt danh "Ông deux cents bougies" (Ông hai trăm bugie) để diễn tả sức làm việc và trí tuệ sáng suốt của Bí thư Xứ ủy...

Vấn đề đem lại ruộng đất cho nông dân, giữ vững khối đại đoàn kết rộng rãi đã được Lê Duẩn giải quyết cũng rất khoa học, sáng tạo. Đến năm 1954, toàn Nam Bộ đã chia cho nông dân được 573.940 ha. Như vậy vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ cơ bản đã được giải quyết phù hợp với hoàn cảnh cụ thể. Hệ thống tổ chức của Đảng đã được chấn chỉnh, thống nhất, xứng đáng là đội tiên phong, quy tụ được toàn dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, đảng phái vào một mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi, chiến đấu vì độc lập, tự do. Các tổ chức Đảng ở Nam Bộ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lịch sử - tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến Nam Bộ, xứng đáng với vinh danh Thành đồng Tổ quốc.

Qua thực tiễn kháng chiến Nam Bộ, cũng như các giai đoạn về sau, trên cương vị Tổng Bí thư, Lê Duẩn đã tỏ rõ là một nhà lãnh đạo xuất sắc, kiên trung, luôn luôn tỏa sáng bản lĩnh chính trị của người học trò trung thành, phát triển sáng tạo tư tưởng, phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh, được Đảng và nhân dân khâm phục, kính trọng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.6, tr. 536

2. *Sdd*, T. 9, tr. 380

3. Xem: *Ấn tượng Võ Văn Kiệt*, Nxb Trẻ, TP HCM, 2004, tr. 275.